

1. THÔNG TIN SẢN PHẨM – NƠI SẢN XUẤT

- Tên sản phẩm: SwabCollect™ Neutralizing Buffer, 1 mL
- Mã sản phẩm: 4108005
- Mục đích sử dụng: Công cụ lấy mẫu vi sinh vật từ bề mặt, sử dụng tăm bông và ống nhựa chứa dung dịch Neutralizing Buffer để trung hòa tác động của các chất khử trùng còn sót lại và bảo vệ vi sinh vật trong quá trình vận chuyển và phân tích.
- Nhà sản xuất/ cung cấp: Bộ phận BacterLab – Công ty TNHH thiết bị khoa học LABone.
- Địa chỉ: Số 228/13/3 Nguyễn Thị Lăng, Ấp Phú Lợi, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. MÔI NGUY HẠI

- Phân loại: Không phải là vật liệu nguy hiểm trong điều kiện bình thường.
- Ảnh hưởng cấp tính: Ít độc hại khi tiếp xúc trực tiếp với mắt và đường hô hấp do kích thích. Không độc hại với da và đường tiêu hóa.
- Ảnh hưởng mãn tính: Không gây ung thư, đột biến, hay quái thai. Khi tiếp xúc lặp đi lặp lại hoặc kéo dài chưa ghi nhận ảnh hưởng đến sức khỏe.
- Cảnh báo nguy hiểm: Không có.
- Lời khuyên phòng ngừa: Thao tác theo các quy tắc phòng thí nghiệm an toàn, tránh nuốt hoặc hít phải.

3. THÀNH PHẦN SẢN PHẨM

3.1. Dụng cụ

- Tăm bông vô trùng
- Ống nhựa kích thước 16 x 100 mm vô trùng

3.2. Môi trường

- Thể tích dung dịch trong ống nhựa: 1 mL
- Thành phần cơ bản của môi trường

Trong 1L môi trường (tham khảo)

Tween 80 (Polysorbate 80)	3,0 mL
Histidine	0,1 g
Sodium thiosulfate	0,8 g
Soy lecithin	0,3 g

pH của môi trường hoàn chỉnh ở 25°C: 7,2 ± 0,2

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

- Hô hấp: Di chuyển đến nơi thông thoáng, không khí trong lành. Nếu triệu chứng kích thích vẫn còn, chuyển ngay đến cơ sở y tế gần nhất.
- Da: Sản phẩm có thể cầm trực tiếp bằng tay.
- Mắt: Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước trong ít nhất 15 phút, giữ cho mi mắt mở. Nếu kích thích vẫn còn, chuyển đến cơ sở y tế.

- Tiêu hóa: Súc miệng và uống nhiều nước hoặc sữa. Không được ép nôn ra. Nếu kích thích vẫn còn, chuyển đến cơ sở y tế.

5. AN TOÀN CHÁY NỔ VÀ BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Nguy cơ cháy nổ: Sản phẩm không dễ cháy, nổ.
- Sản phẩm tạo thành trong quá trình cháy, nổ: Carbon oxides (CO, CO₂).
- Giới hạn dễ cháy, nổ: Không có.
- Nguy cơ cháy, nổ khi có mặt chất khác: Không có.
- Nguy cơ cháy, nổ do tác động cơ học: Không có.
- Nguy cơ cháy, nổ do tác động tĩnh điện: Không có.
- Chất chữa cháy, nổ: Nước, bột, hóa chất khô hoặc CO₂.
- Thiết bị bảo vệ: Thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn cho việc chữa cháy, nổ.

6. BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ TRÀN, ĐỔ

- Lượng nhỏ: Dùng dụng cụ thích hợp để thu gom chất rắn vào thùng chứa để xử lý. Rửa sạch bề mặt bị ô nhiễm bằng nước.
- Biện pháp cá nhân: Sử dụng găng tay bảo hộ, tránh tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.
- Biện pháp môi trường: Tránh để sản phẩm tràn vào cống hoặc đường ống cấp nước.
- Quy trình làm sạch: Thu gom bằng dụng cụ không phản ứng và xử lý theo quy định.

7. PHÒNG NGỪA VÀ BẢO QUẢN

- Biện pháp phòng ngừa: Không được ăn. Nếu ăn phải, đưa đến cơ sở y tế kèm theo nhãn sản phẩm. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Rửa tay sau khi sử dụng. Để xa tầm tay của trẻ em.
- Bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ mát (4 – 25°C), có thể để nơi khô ráo, thoáng mát trong điều kiện sạch trước khi sử dụng. Tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Giới hạn phơi nhiễm: Không có.
- Thiết bị bảo hộ cá nhân:
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ.
 - Bảo vệ da: Găng tay phòng thí nghiệm.
 - Bảo vệ hô hấp: Khẩu trang y tế.

9. TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- Trạng thái: Tăm bông: rắn/ Môi trường: lỏng
- Màu sắc môi trường: Không màu, trong suốt
- pH ở 25°C: 7,2 ± 0,2
- Mùi: Không mùi.
- Độ hòa tan: Không tan trong nước.

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Phản ứng: Ổn định trong điều kiện bình thường.
- Vật liệu không tương thích: Axit và bazơ mạnh.

- Tính ổn định hóa học: Ổn định ở điều kiện bảo quản khuyến nghị
- Điều kiện cần tránh: Tránh độ ẩm và ánh sáng trực tiếp.
- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

11. THÔNG TIN ĐỘC HẠI

- Đường hô hấp: Không có gây kích thích.
- Đường tiêu hóa: Không có gây kích thích, một số trường hợp có thể gây tiêu chảy. Không được ăn.
- Mắt: Có thể gây kích thích với biểu hiện đặc trưng là sung đỏ do tổn thương giác mạc. Không được cho vào mắt.
- Độc tính cấp tính: Không phân loại.
- Độc tính mãn tính: Không có tác động được biết.
- Khả năng gây ung thư: Không phân loại là chất gây ung thư.

12. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

- Độc tính sinh thái: Không dự kiến gây nguy hại đáng kể cho môi trường.
- Khả năng phân hủy: Phân hủy sinh học.
- Khả năng tích lũy sinh học: Thấp.
- Khả năng di chuyển trong đất: Thấp.
- Sản phẩm không hòa tan trong nước.

13. XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Việc xử lý loại bỏ chất thải cần thực hiện theo quy định về xử lý chất thải y tế, tránh thải ra môi trường.
- Luôn luôn vệ sinh, rửa tay sau khi xử lý sản phẩm.
- Không thải vào cống hoặc môi trường.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- Số UN: Không quy định.
- Nhóm nguy hiểm: Không phân loại.
- Đóng gói: Giữ nguyên bao bì ban đầu khi vận chuyển.

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Tuân thủ các quy định an toàn về sử dụng và xử lý sản phẩm trong phòng thí nghiệm.

16. THÔNG TIN KHÁC

Tất cả thông tin/dữ liệu trong MSDS này là chính xác và tốt nhất mà chúng tôi có hiện nay. Tuy nhiên, công ty chúng tôi không có bảo đảm về mặt thương mại hoặc bảo hành nào khác và không chịu trách nhiệm dưới bất kỳ hình thức nào.

Người sử dụng nên tự kiểm tra để xác định những thông tin/dữ liệu phù hợp cho mục đích cụ thể của mình.

Ngày ban hành: 15/04/2025

Phiên bản: 01.2025